TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lù Văn Lả**

2. Bà **Lò Thị Ánh Ngọc**

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Châm** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Phan Thị Thu Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **45**/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2022/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Huyền Tr** - Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Bản T (Đội 6 cũ), xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp - Nơi công tác: Giáo viên trường M, thị xã M, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn Đ**; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Bản T (Đội 6 cũ), xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2022 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lò Huyền Tr trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Tr và anh Đ kết hôn với nhau do 2 bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Th,

huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 12/2019. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, dẫn đến thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau. Vì vậy anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay. Nay tình cảm của chị Tr đối với anh Đ không còn, vì vậy chị Tr đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho chị Tr được ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung:* Chị Tr và anh Đ có 01 con chung là Lò Trâm A - Sinh ngày 08/9/2016, ly hôn chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động bởi vì anh Đ đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về nên không có điều kiện về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A. Về thu nhập hiện nay từ lương giáo viên của chị Tr được 6.616.300 đồng (Sáu triệu, sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm đồng)/1 tháng, chị Tr đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A. Vì vậy, chị Tr không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Tr khai không có.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và quá trình xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã không gửi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các buổi làm việc khi được thông báo, triệu tập ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Tr, cho chị Tr được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lò Trâm A cho chị Lò Huyền Tr trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ:* Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Tr khai không có.

- Về án phí: Chị Tr là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, đề nghị miễn cho chị Lò Huyền Tr 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

* *Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm*: Đối với vi phạm của bị đơn đề nghị bị đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lò Huyền Tr và anh Lò Văn Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh Đ vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh Đ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

**) Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh Đ là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, chị Tr cho rằng cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi nhau, do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc (được chứng minh tại Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 17/02/2022 của chị Lò Huyền Tr có xác nhận của chính quyền địa phương; BL: 31 và Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tại chính quyền địa phương và tại gia đình anh Lò Văn Đ ngày 27/4/2022 BL: 37, 38). Mặt khác, trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị Tr khẳng định chị không còn tình cảm với anh Đ nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, chị Tr tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Đ.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án anh Đ không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh Đ không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, anh chị đã

sống ly thân với nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị Tr và anh Đ vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị Tr được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**) Về con chung:* Chị Tr và anh Đ có 01 con chung là Lò Trâm A - Sinh ngày 08/9/2016. Hiện tại cháu A đang ở với chị Tr kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau, nguyện vọng của chị Tr sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu A, bởi vì kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau cho đến nay cháu A ở với chị Tr, anh Đ không có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, xét về mặt thực tế hiện tại cháu A đang ở với chị Tr kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau, còn anh Đ đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về nên không có điều kiện về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A (được thể hiện tại Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tại chính quyền địa phương và tại gia đình anh Lò Văn Đ ngày 27/4/2022 BL: 37, 38). Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa chị Tr khai thu nhập của chị từ lương giáo viên được 6.616.300 đồng (Sáu triệu, sáu trăm mười sáu nghìn ba trăm đồng)/1 tháng (được chứng minh tại Bảng thanh toán tiền lương và các phụ cấp theo lương, các khoản trích nộp theo lương của Trường M, thị xã M, tỉnh Điện Biên), chị Tr đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A nên chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu A, Tòa án cần giao cháu A cho chị Tr nuôi dưỡng, chăm sóc và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu A là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

**) Về quan hệ tài sản và công nợ*: Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Tr khai không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**) Về án phí:* Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Lò Huyền Tr là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Huyền Tr.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69; khoản 1, khoản 2 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho chị Lò Huyền Tr được ly hôn với anh Lò Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Lò Trâm A - Sinh ngày 08/9/2016 cho chị Lò Huyền Tr được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Tr không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Lò Văn Đ có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình chị Tr không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Đ.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ: Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Lò Huyền Tr là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Huyền Tr.

Trả lại cho chị Lò Huyền Tr số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004909 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chị Lò Huyền Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/6/2022). Anh Lò Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến